

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2026**

Đơn vị tính: Đồng

| STT | NỘI DUNG                           | Dự toán                | Ước thực hiện         | So sánh (%)  |
|-----|------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------|
| A   | B                                  | 1                      | 2                     | 3=2/1        |
|     | <b>TỔNG SỐ THU</b>                 | <b>205,178,619,000</b> | <b>85,990,970,301</b> | <b>41.91</b> |
| 1   | Các khoản thu xã hưởng 100%        | 2,205,000,000          | 41,135,922            | 1.87         |
| 2   | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 20,528,000,000         | 5,158,267,379         | 25.13        |
| 3   | Thu bổ sung                        | 182,445,619,000        | 80,791,567,000        | 44.28        |
| -   | Bổ sung cân đối                    | 154,927,000,000        | 54,000,000,000        | 34.86        |
| -   | Bổ sung có mục tiêu                | 1,080,000,000          | 352,948,000           | 32.68        |
|     | Bổ sung có mục tiêu đầu tư         | 26,438,619,000         | 26,438,619,000        | 100.00       |
| 4   | Thu chuyển nguồn                   |                        |                       |              |
|     | <b>TỔNG SỐ CHI</b>                 | <b>205,178,619,000</b> | <b>49,001,967,068</b> | <b>23.88</b> |
| 1   | Chi đầu tư phát triển              | 38,644,619,000         | 11,187,225,436        | 28.95        |
| 2   | Chi thường xuyên theo lĩnh vực     | 163,029,000,000        | 37,814,741,632        | 23.20        |
| 3   | Dự phòng                           | 3,505,000,000          |                       |              |
| 4   | Tiết kiệm chi                      |                        |                       |              |

